

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình Giảm nghèo bền vững năm 2019 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2020

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và các văn bản có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (CTMTQG GNBV) năm 2019 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2020 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GNBV NĂM 2019

1. Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình

- Quyết định số 3491/QĐ-UBND, ngày 25/12/2018 về việc giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia kế hoạch 2019; Quyết định 670/QĐ-UBND, ngày 28/3/2019 về việc phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019; Quyết định số 1929/QĐ-UBND, ngày 19/7/2019 ban hành kế hoạch thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Lắk năm 2019; Các Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn các huyện;

- Kế hoạch số 6828/KH-UBND ngày 21/8/2019 về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019;

- Báo cáo số 58/BC-UBND, ngày 07/3/2019 về tình hình thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo số 65/BC-UBND, ngày 15/3/2019 về việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2012-2018 để UBND tỉnh báo cáo Đoàn khảo sát Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành V, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh theo quy định; Báo cáo số 102/BC-UBND, ngày 19/4/2019 tình hình thực hiện Chương trình Giảm nghèo bền vững năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019; Báo cáo số 142/BC-UBND, ngày 29/5/2019 đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 30^a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo; Báo cáo số

232/BC-UBND, ngày 20/8/2019 về việc đánh giá kết quả triển khai thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện Chương trình quốc gia về giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020;

- Công văn số 564/UBND-KGVX, ngày 18/01/2019 về việc chuẩn bị các nội dung làm việc với Đoàn khảo sát Kiểm toán Nhà nước về Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; Công văn số 2521/UBND-KGVX, ngày 02/4/2019 về việc công bố quyết định kiểm toán và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2018 phục vụ Kiểm toán Nhà nước, vào ngày 05/4/2019; Tổ kiểm toán thuộc Đoàn kiểm toán nhà nước chuyên ngành V đã tiến hành kiểm toán tại tỉnh Đắk Lắk từ ngày 06/4/2019 đến ngày 22/4/2019; Công văn số 4688/UBND-KGVX, ngày 11/6/2019 về việc triển khai thực hiện mục tiêu không còn hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách ưu đãi người có công trong năm 2019; Công văn số 8229/UBND-KGVX, ngày 08/10/2019 về việc thực hiện Chương trình “Chung tay vì người nghèo” năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Công văn số 9113/UBND-KGVX, ngày 06/11/2019 về việc tăng cường và chấn chỉnh công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019.

- Chỉ đạo các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách, dự án thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2019 theo lĩnh vực và địa bàn.

2. Công tác giám sát chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

Trong năm 2019 đã có 03 cuộc kiểm toán, giám sát, cụ thể: Đoàn Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành V về Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018 đã tiến hành Kiểm toán tại tỉnh Đắk Lắk từ ngày 6/4/2019 đến 22/4/2019; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2012-2018 tại huyện Buôn Đôn, M’Đrăk, Ea Kar, UBND tỉnh từ ngày 01/3/2019 đến 08/3/2019; Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018 tại huyện Ea H’leo, Krông Pắc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội từ ngày 22/3/2019 đến 27/3/2019. Ngoài ra, Các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã lập kế hoạch và tổ chức đi kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các Chương trình, dự án... của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2019 trên địa bàn toàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GNBV NĂM 2019

1. Kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia GNVB

a) Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn

- Tổng nguồn vốn được giao trong năm 2019 là 272.993 triệu đồng (vốn ĐTPT: 209.976 triệu đồng, vốn SN: 63.017 triệu đồng), trong đó: NSTW: 250.877 triệu đồng (vốn ĐTPT: 195.860 triệu đồng, vốn SN: 55.017 triệu đồng), ngân sách tỉnh: 16.500 triệu đồng (vốn ĐTPT: 8.500, vốn SN: 8.000 triệu đồng),

ngân sách cấp huyện, xã: 5.173 triệu đồng (vốn ĐTPT); vốn huy động: 12.485,4 triệu đồng;

- Khối lượng thực hiện là 270.062,9 triệu đồng, trong đó: Vốn từ ngân sách là 257.740 triệu đồng, đạt 94,41% kế hoạch (vốn ĐTPT: 198.951,3 triệu đồng, đạt 94,75% kế hoạch; vốn SN: 58.881 triệu đồng, đạt 93,30% kế hoạch); NSTW: 235.624 triệu đồng; ngân sách địa phương: 22.208 triệu đồng; vốn huy động: 12.322,9 triệu đồng;

- Khối lượng giải ngân là 184.460,4 triệu đồng, trong đó: Vốn từ ngân sách là: 176.220 triệu đồng, đạt 64,61% kế hoạch, (vốn ĐTPT: 124.377 triệu đồng, đạt 59,23% kế hoạch, vốn SN: 51.843 triệu đồng, đạt 82,27% kế hoạch); vốn huy động: 8.240,4 triệu đồng.

b) Kết quả thực hiện theo từng nội dung, hoạt động, dự án thành phần

- Dự án 1. Chương trình 30a: Kinh phí được giao là 132.019 triệu đồng (vốn ĐTPT là 112.462 triệu đồng, vốn SN là 19.557 triệu đồng); NSTW: 127.539 triệu đồng, ngân sách huyện: 4.480 triệu đồng); đã thực hiện 134.030,1 triệu đồng, trong đó, vốn ngân sách là 129.542,6 triệu đồng, đạt 98,12% kế hoạch; vốn huy động: 4.487,5 triệu đồng.

+ Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng là 114.262 triệu đồng.

Tổng số công trình đã được phê duyệt và hoàn thành là 53, gồm: 49 công trình khởi công mới (28 công trình giao thông, 06 công trình thủy lợi, 06 công trình giáo dục và 08 công trình văn hóa; 01 công trình nước sạch); 04 công trình duy tu bảo dưỡng (công trình giao thông). Kinh phí thực hiện 114.262 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch; vốn huy động 2.695 triệu đồng.

+ Tiểu dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo là 16.937 triệu đồng.

Đã triển khai 45 dự án (34 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, 11 dự án mô hình giảm nghèo được nhân rộng), hỗ trợ cho 725 hộ về chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản và hỗ trợ máy móc, thiết bị; kinh phí thực hiện là 15.171 triệu đồng, đạt 89,57% kế hoạch; vốn huy động: 1.792,5 triệu đồng;

+ Tiểu dự án 4. Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài là 820 triệu đồng; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho 417 cán bộ làm công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và tuyên truyền viên cơ sở, kinh phí thực hiện 109,6 triệu đồng, đạt 13,37%. Trong năm 2019, đã có 93 lao động thuộc 02 huyện Lắc và M'Đrăk đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

- Dự án 2 - Chương trình 135: Tổng kinh phí được giao là 133.011 triệu đồng (vốn ĐTPT là 97.514 triệu đồng, vốn SN là 35.497 triệu đồng); NSTW: 116.875 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 15.000 triệu đồng, ngân sách huyện, xã: 1.136 triệu đồng); đã thực hiện 127.857,9 triệu đồng, trong đó, vốn ngân sách là 120.327,4 triệu đồng, đạt 89,97% kế hoạch; vốn huy động: 7.530,5 triệu đồng.

+ Tiểu dự án 1 - Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn: Kinh phí được giao là 103.291 triệu đồng (vốn ĐTPT: 97.514 triệu đồng, vốn SN: 14.277 triệu

đồng), trong đó: NSTW: 93.655 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 8.500 triệu đồng, ngân sách huyện, xã: 1.136 triệu đồng.

Tổng số công trình đã được phê duyệt và thực hiện là 267 công trình, gồm: 239 công trình khởi công mới (214 công trình giao thông, 10 công trình thủy lợi, 05 công trình giáo dục và 10 công trình văn hóa; lồng ghép với Chương trình MTQG Nông thôn mới 10 công trình); 28 công trình duy tu bảo dưỡng trên địa bàn các xã thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình 135. Kinh phí thực hiện là 96.835,9 triệu đồng, trong đó, vốn ngân sách là 91.237,9 triệu đồng, đạt 88,33% kế hoạch; vốn huy động: 5.598 triệu đồng;

+ Tiểu dự án 2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn: Kinh phí được giao là 26.759 triệu đồng (vốn SN), trong đó: NSTW: 20.259 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 6.500 triệu đồng; vốn huy động: 1.943,5 triệu đồng.

Đã triển khai và thực hiện 126 dự án, hỗ trợ cho 2.347 hộ về chăn nuôi, trồng trọt, vật tư, máy móc, thiết bị; kinh phí thực hiện là 28.291,5 triệu đồng, trong đó, vốn ngân sách là 26.359 triệu đồng, đạt 98,03% kế hoạch; vốn huy động: 1.932,5 triệu đồng;

+ Tiểu dự án 3. Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở: Kinh phí được giao là 2.961 triệu đồng (vốn SN từ NSTW); đã triển khai 13 lớp đào tạo, tập huấn cho 1.930 cán bộ và cộng đồng; kinh phí thực hiện là 2.730,5 triệu đồng, đạt 92,22% kế hoạch;

- Dự án 3 - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: Kinh phí được giao là 4.323 triệu đồng (vốn SN); trong đó: NSTW: 2.823 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 1.500 triệu đồng.

Đã xây dựng được 13 dự án, hỗ trợ cho 292 hộ; với kinh phí là 4.627,9 triệu đồng, trong đó: vốn ngân sách là 4.323 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch; vốn huy động: 304,9 triệu đồng;

- Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Kinh phí được giao là 2.028 triệu đồng (vốn SN từ NSTW); kinh phí thực hiện là 2.027,7 triệu đồng, đạt 99,99% kế hoạch.

+ Truyền thông về giảm nghèo: Kinh phí được giao là 608 triệu đồng; tổ chức tuyên truyền trên Tạp chí Lao động - Xã hội, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Lắk, Báo Đắk Lắk... tu sửa pa nô tuyên truyền về công tác giảm nghèo; kinh phí thực hiện là 607,7 triệu đồng, đạt 99,95% kế hoạch;

+ Giảm nghèo về thông tin: Kinh phí được giao là 1.420 triệu đồng; đã triển khai xây dựng, sản xuất 35 chương trình phát thanh, truyền hình về giảm nghèo, xuất bản 02 bản tin chuyên đề về giảm nghèo; triển khai 02 lớp tập huấn tại 02 huyện nghèo cho 180 cán bộ; hỗ trợ trang bị bộ phương tiện tác nghiệp cho 01 huyện và 06 xã vùng III... Kinh phí thực hiện là 1.420 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch;

- Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá: Kinh phí được giao là 1.612 triệu đồng (vốn SN từ NSTW).

Đã tổ chức 22 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho 1.997 lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; tổ chức 29 đoàn kiểm tra, giám sát Chương trình giảm nghèo tại một số địa phương. Kinh phí thực hiện là 1.519,3 triệu đồng, đạt 94,25% kế hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 và 02 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo chung theo Nghị quyết 80/NQ-CP

a) Tín dụng ưu đãi: Giải quyết cho vay đối với 55.755 hộ nghèo và các đối tượng chính sách, với doanh số cho vay: 1.686.893 triệu đồng; doanh số thu nợ: 1.222.488 triệu đồng; tổng dư nợ đạt 4.828.802 triệu đồng, số khách hàng dư nợ 200.853 hộ (trong đó, dư nợ hộ nghèo: 1.337.979 triệu đồng, với 47.196 hộ), nợ quá hạn: 3.804 triệu đồng, chiếm 0,08%.

b) Hỗ trợ khuyến nông, lâm và phát triển thủy sản: Tổ chức 50 lớp tập huấn khuyến nông, nâng cao năng lực cho 2.000 lượt người tham gia, trong đó có 718 lượt người thuộc hộ nghèo; xây dựng 24 mô hình trình diễn, với 698 lượt người tham gia, trong đó có 05 lượt người thuộc hộ nghèo; triển khai 27 lớp tập huấn về hoạt động phát triển thủy sản cho 861 lượt người tham gia, trong đó có 305 lượt người thuộc hộ nghèo; tiến hành thả bổ sung 52.600 con cá giống tại các thủy vực giúp tái tạo lại nguồn lợi thủy sản và giúp người dân khai thác cá sống quanh các thủy vực duy trì được nguồn sinh kế ổn định và bền vững. Kinh phí thực hiện là 476,75 triệu đồng.

c) Hỗ trợ về học nghề: Tổ chức đào tạo nghề cho 4.431 lao động nông thôn; trong đó, đào tạo phi nông nghiệp là 2.821 người, đào tạo nông nghiệp là 1.610 người; kinh phí thực hiện là 16.483 triệu đồng.

d) Hỗ trợ về y tế: Toàn tỉnh đã cấp 971.814 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo và các đối tượng do ngành Lao động - Thương binh và xã hội quản lý được ngân sách hỗ trợ, với số tiền là 747.597 triệu đồng. Số người nghèo, cận nghèo và các đối tượng được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế là 1.333.153 lượt người, với số tiền 662.918 triệu đồng.

đ) Hỗ trợ về giáo dục, đào tạo: Thực hiện chính sách hỗ trợ học phí, chi phí học tập, hỗ trợ gạo, hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở... toàn tỉnh đã hỗ trợ cho 24.267 lượt học sinh, sinh viên với kinh phí thực hiện 29.653 triệu đồng.

e) Hỗ trợ về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg: Đã xây dựng 1.638/2.605 căn (đạt 63% kế hoạch); kinh phí thực hiện là 59.689 triệu đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh là 5.554,5 triệu đồng, ngân sách huyện là 2.135,5 triệu đồng, vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội là 35.500 triệu đồng, vốn từ Quỹ “Ngày vì người nghèo” là 2.224 triệu đồng, vốn huy động là 14.275 triệu đồng.

f) Trợ giúp pháp lý: Ngành Tư pháp đã cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí 515 vụ việc, trong đó có 80 lượt người nghèo; thực hiện 58 đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở tại 39 xã, 01 thị trấn trong đó tập trung tại các xã, thôn buôn đặc biệt khó khăn, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã biên giới trên địa bàn tỉnh,

với 3.049 người tham dự, tư vấn trực tiếp 61 vụ việc, trong đó có 06 lượt người nghèo. Tổng kinh phí thực hiện là 3.075 triệu đồng.

g) Kết quả hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Tổng Quỹ “Ngày vì người nghèo” toàn tỉnh là 19.074 triệu đồng, đã hỗ trợ cho người thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các hộ gia đình khó khăn... với các hoạt động như: xây mới, sửa chữa nhà ở, hỗ trợ phát triển sản xuất, y tế, giáo dục, công trình vệ sinh, nước sạch;

- Hội Nông dân tỉnh: Vận động các chi Hội và hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi hỗ trợ cây giống, con giống, lương thực, hướng dẫn cách sản xuất và phổ biến kinh nghiệm, khoa học kỹ thuật cho hộ nghèo và các gia đình chính sách khó khăn... cho 26.150 lượt người nghèo với kinh phí 21.489 triệu đồng;

- Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh: Đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ cho phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số... như: vận động các tổ chức, cá nhân cho vay khởi nghiệp, hỗ trợ vật nuôi, trao sinh kế khoa học kỹ thuật, nhà ở, công trình vệ sinh... với kinh phí 13.987 triệu đồng;

- Tỉnh đoàn thanh niên: Đã thực hiện các công trình, phần việc thanh niên, xây dựng nhà nhân ái, sửa chữa nhà cộng đồng, sân bóng chuyền, bê tông hóa đường giao thông, nhà vệ sinh cộng đồng, tặng quà cho gia đình khó khăn, xây dựng mô hình phát triển kinh tế cho thanh niên... góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, với kinh phí 29.295 triệu đồng.

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Chương trình theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo so với năm 2018

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,48%, từ 12,81% xuống còn 9,33%; số hộ nghèo giảm được 11.147 hộ, từ 57.180 hộ xuống còn 46.033 hộ (đạt chỉ tiêu đề ra);

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm được 6,56%, từ 25,49% xuống còn 18,93%; số hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm được 6.478 hộ, từ 37.067 hộ xuống còn 30.589 hộ (đạt chỉ tiêu đề ra);

- Tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn giảm 8,38%, từ 42,25% xuống còn 33,87%; số hộ nghèo giảm được 5.209 hộ, từ 29.887 hộ xuống còn 24.678 hộ (vượt chỉ tiêu đề ra).

- Tỷ lệ hộ nghèo các thôn, buôn đặc biệt khó khăn giảm 6,40%, từ 27,61% xuống còn 21,22%; số hộ nghèo giảm được 2.026 hộ, từ 10.219 hộ xuống còn 8.193 hộ.

- Hộ nghèo cuối năm 2019 phân theo từng nhóm đối tượng như sau:

+ Hộ nghèo về thu nhập: 41.151 hộ, chiếm 91,57%; hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản: 3.882 hộ, chiếm 8,43%;

Kết quả đo lường thiếu hụt dịch vụ xã hội trong 3.882 hộ như sau: (1) Tiếp cận dịch vụ y tế: 4,02% (2) Bảo hiểm y tế: 21,10% (3) Trình độ giáo dục người lớn: 25,84% (4) Tình trạng trẻ em đi học: 7,93% (5) Chất lượng nhà ở: 61,82% (6) Diện tích nhà ở: 51,37% (7) Nguồn nước sinh hoạt: 19,37% (8) Nhà

vệ sinh: 79,03% (9) Sử dụng dịch vụ viễn thông: 9,02% (10) Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin: 12,73%.

+ Hộ nghèo Kinh: 15.444 hộ, chiếm 33,55%; hộ nghèo dân tộc thiểu số: 30.589 hộ, chiếm 66,45% trong tổng số hộ nghèo;

+ Hộ nghèo thuộc chính sách người có công: 132 hộ, chiếm 0,29%; hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội (không có khả năng lao động): 3.181 hộ, chiếm 6,91%;

+ Hộ tái nghèo: 136 hộ, chiếm 0,34%; số hộ nghèo phát sinh: 2.988 hộ, chiếm 6,85%.

- Số hộ cận nghèo cuối năm 2019 là 43.911 hộ, tỷ lệ: 8,90%, giảm 0,82% so với năm 2018.

(Chi tiết tại Phụ lục 03, 04, 05 và 06 kèm theo)

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu khác

- Chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 đến cuối năm 2019:

+ 86,96% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo tiêu chuẩn và cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

+ 81,53% số thôn, buôn đã có trục đường giao thông được cứng hóa đảm bảo tiêu chuẩn và cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải;

+ 100% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 100% trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

+ 100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân; 23,91% số xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn nông thôn mới;

+ 81,72% hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

+ Các công trình thủy lợi nhỏ đáp ứng 63,68% nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây trồng hằng năm.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã; cán bộ tại thôn, buôn đặc biệt khó khăn đã được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo, lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 07 kèm theo)

4. Đánh giá chung

a) Những mặt được

- Chương trình giảm nghèo bền vững đã được Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã quan tâm, chỉ đạo trở thành nhiệm vụ, mục tiêu ưu tiên, được cụ thể hóa thành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, kế hoạch của UBND các cấp và của từng đơn vị;

- Việc phân bổ vốn, phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 được thực hiện sớm hơn nhiều so với các năm trước;

- Bên cạnh các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; các chương trình khác đã được lồng ghép, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội như: nguồn vốn cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội, các chính sách dạy nghề, khuyến nông, hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, trợ giúp pháp lý, góp phần tạo việc làm, giảm nghèo và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo còn chậm, do đó ảnh hưởng đến hiệu quả hỗ trợ đối với các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn;

- Công tác báo cáo chưa kịp thời, còn sai sót; báo cáo số liệu phục vụ kiểm toán không đầy đủ, không chính xác, không có sự đối chiếu giữa các đơn vị có liên quan...

Nguyên nhân:

- Cấp ủy, chính quyền, Ban Chỉ đạo ở một số địa phương chưa thật sự quan tâm, coi trọng đúng mức đối với công tác giảm nghèo bền vững, do đó, việc xây dựng kế hoạch giảm nghèo chưa cụ thể, chưa phù hợp với từng đơn vị, địa phương, với từng nhóm đối tượng thuộc diện của CTMTQG GNBV; chưa đối ứng nguồn vốn của địa phương minh để thực hiện Chương trình; chưa thường xuyên, quyết liệt trong chỉ đạo, kiểm tra, giám sát; thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Do cấp xã làm chủ đầu tư hầu hết các dự án, trong khi đó trình độ, kinh nghiệm của cán bộ, công chức triển khai thực hiện Chương trình ở cấp xã còn hạn chế, nhất là trong quản lý đầu tư xây dựng dẫn đến việc tham mưu triển khai còn lúng túng, thủ tục hồ sơ, công tác thẩm định còn mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện;

- Hình thức tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng, đôi khi chưa phù hợp với một số đối tượng; một số địa phương trong tỉnh chưa quan tâm nhiều đến công tác tuyên truyền, giáo dục cho người dân, nên vẫn còn một số hộ nghèo chưa nắm bắt và tiếp cận kịp thời các chủ trương, chính sách về giảm nghèo, thiếu ý chí tự lực vươn lên đã trở thành rào cản trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GNBV NĂM 2020

1. Mục tiêu

Phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2020 từ 4,36-4,49%; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số đạt 6,5-7,0%; tỷ lệ hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn đạt 4,0-4,5%.

(Có chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2020 tại Phụ lục 08 kèm theo)

2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và trong các tầng lớp nhân dân về mục tiêu giảm nghèo bền vững để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của toàn xã hội; khơi dậy ý chí tự lực, chủ động vươn lên của người nghèo; phê phán tình trạng lười lao động, tư tưởng trông chờ, ỷ lại của hộ nghèo, hộ cận nghèo, của chính quyền các xã nghèo, huyện nghèo vào sự hỗ trợ của Nhà nước;

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện công tác giảm nghèo; tăng cường sự tham gia của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và người dân, không để xảy ra hiện tượng tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng vốn thực hiện các chính sách giảm nghèo;

c) Tăng cường và nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự làm công tác giảm nghèo ở cấp xã, huyện, đặc biệt là các xã nghèo, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số;

d) Để đạt được chỉ tiêu giảm nghèo nêu trên, ngoài thực hiện các giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND, ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 1061/QĐ-UBND, ngày 04/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020, một số giải pháp đó là:

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn thực hiện Chương trình, tăng cường huy động vốn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng;

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo theo từng nhóm hộ nghèo:

Trên cơ sở các địa phương rà soát, xác định nguyên nhân của từng hộ nghèo, thôn, buôn, xã nghèo, từng ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các cấp từ tỉnh đến huyện, xã xây dựng kế hoạch, giải pháp, mô hình phù hợp với địa bàn, đề xuất kinh phí, phương thức hỗ trợ các chính sách giảm nghèo cụ thể đối với từng xã, từng thôn, buôn, từng nhóm hộ nghèo;

+ Nhóm hộ nghèo thuộc đối tượng ưu đãi người có công: tập trung các nguồn lực và huy động Quỹ đền ơn đáp nghĩa để đạt mục tiêu không còn hộ nghèo thuộc đối tượng ưu đãi người có công trong năm 2019-2020;

+ Nhóm hộ nghèo thu nhập: Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng các mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình trên cơ sở tổng kết các mô hình đã thực hiện có hiệu quả; đồng thời đẩy mạnh hoạt động tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác gắn với công tác khuyến công, khuyến nông - lâm - ngư, dạy nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật một cách có hiệu quả; đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài; tăng cường kỹ năng của hộ nghèo về xây dựng kế hoạch sản xuất, chi tiêu tiết kiệm;

+ Nhóm hộ nghèo thiếu hụt dịch vụ xã hội từ 03 tiêu chí trở lên: Đẩy mạnh và kết hợp các hoạt động hỗ trợ, xã hội hóa, vận động hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhất là vùng đồng bào DTTS cải thiện việc tiếp cận

các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều như: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin.

Trên cơ sở Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 31/5/2018 của Chính phủ về một số chính sách đối với hộ nghèo thiếu hụt đa chiều, các đơn vị, địa phương có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ rà soát đối tượng, xây dựng giải pháp và tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo;

+ Nhóm hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội (4.194 hộ): thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đồng thời kêu gọi các cá nhân, đơn vị, các nhà hảo tâm để hỗ trợ: trợ cấp hàng tháng, bảo hiểm y tế, cứu đói, hỗ trợ nhà ở...

+ Đối với các chỉ tiêu cơ sở hạ tầng: Rà soát các chỉ tiêu chưa đạt, để tập trung nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình 30a, 135 và lồng ghép với các chương trình khác để đầu tư nhằm đạt mục tiêu đề ra.

- Thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đúng quy trình và yêu cầu (chính xác, dân chủ, công khai, công bằng và có sự tham gia của người dân); đảm bảo phản ánh đúng thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng xác định không đúng hộ nghèo, hộ cận nghèo để được hưởng các chính sách đối với hộ nghèo, cận nghèo, xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: LĐ-TB&XH; KHĐT; NN&PTNT;
- Ban Dân tộc;
- Các thành viên BCD;
- UBND các huyện, TX, TP;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, KT, NN&MT;
- Lưu: VT, KGVX (Ng-15b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

H'Yim Kđoh